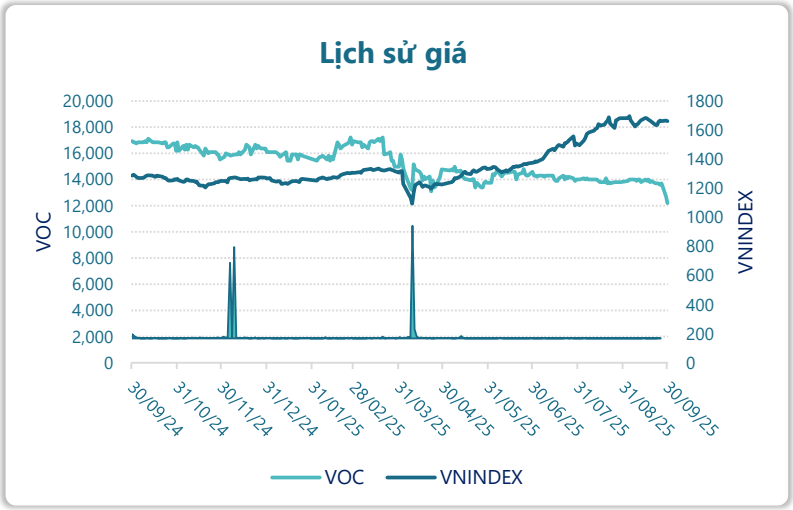
FireAnt

Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP (UPCOM: VOC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,221
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,200
SL cổ phiếu LH	121,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,025
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,486
P/E	21.0
EPS	582

DT thuần

Q3/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.1| 61.5%

YoY: ▲ 67.8| 98.2%

LN sau thuế

Q3/25

11.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.0| -57.4%

YoY: ▲ 1.73| 17.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.7%

+/- YoY: ▼ 7.6%

DT thuần

9T 2025

357

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 172| 93.1%

LN sau thuế

9T 2025

44.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 62.0%

ROE

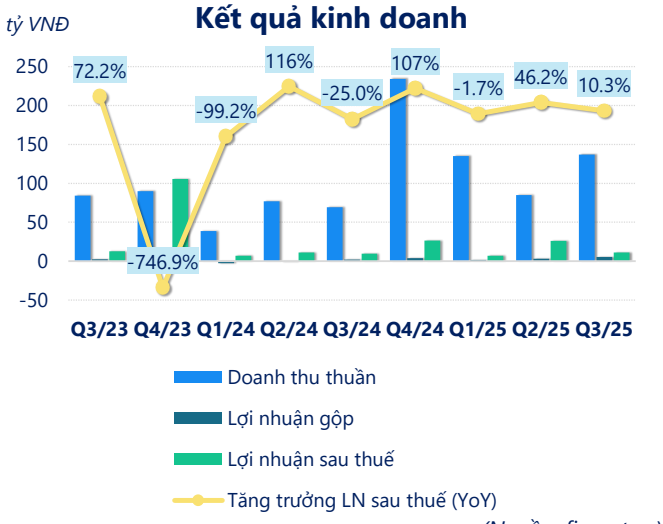
Q3/25

3.4%

+/- YoY: ▼ 2.4%

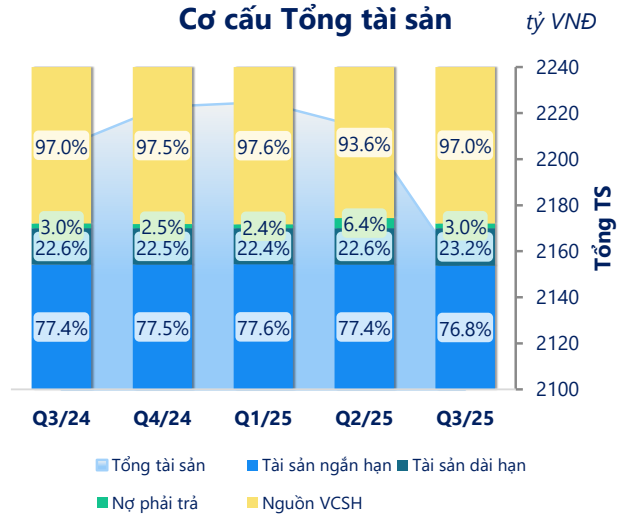
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



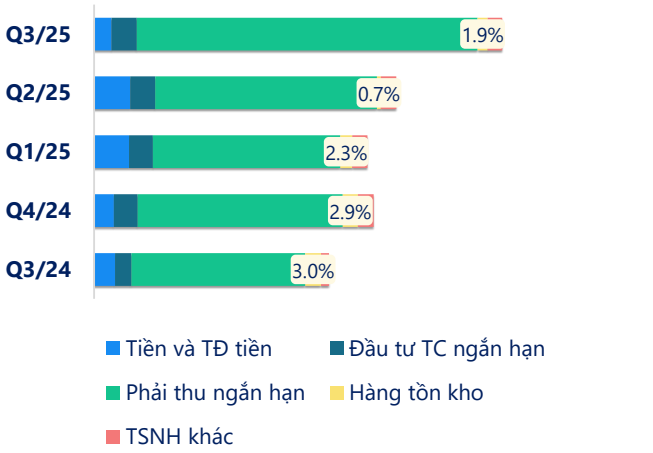
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



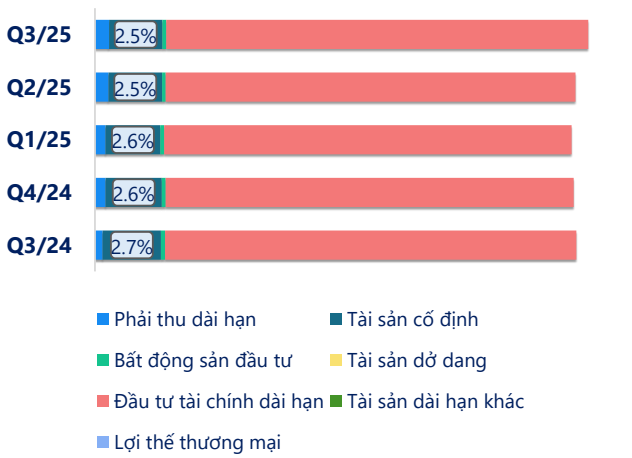
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



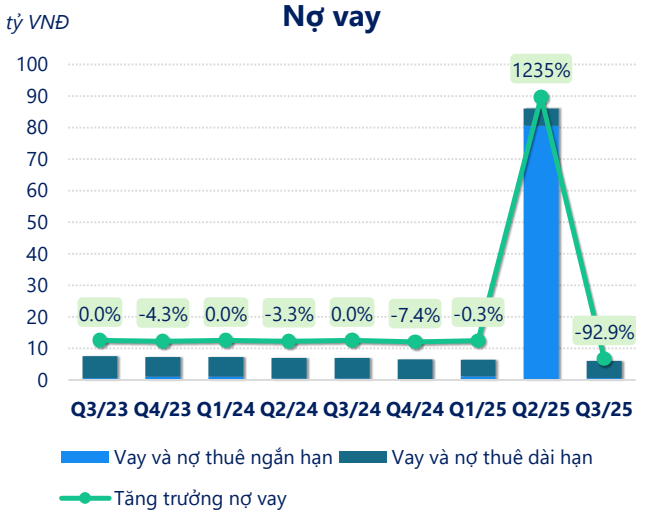
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



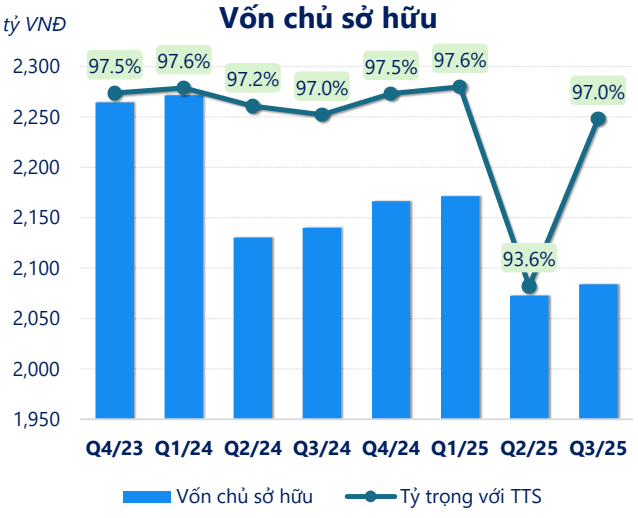
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



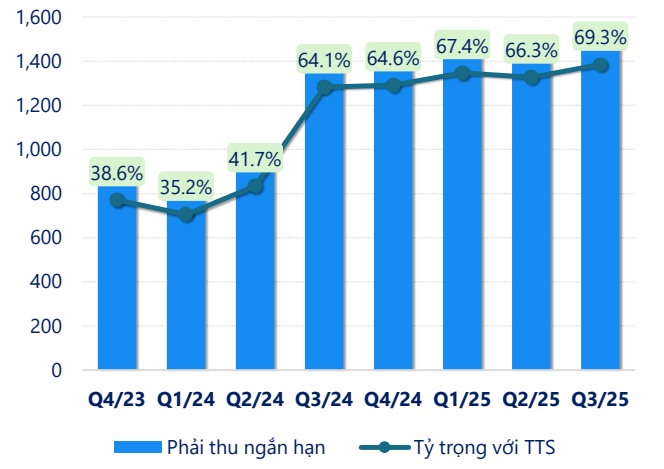
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



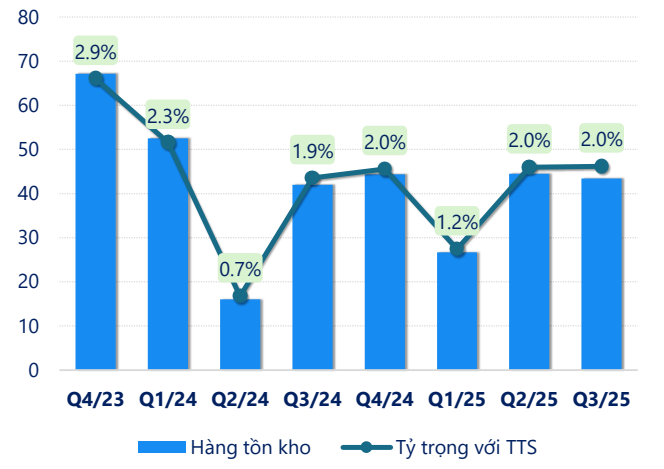
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



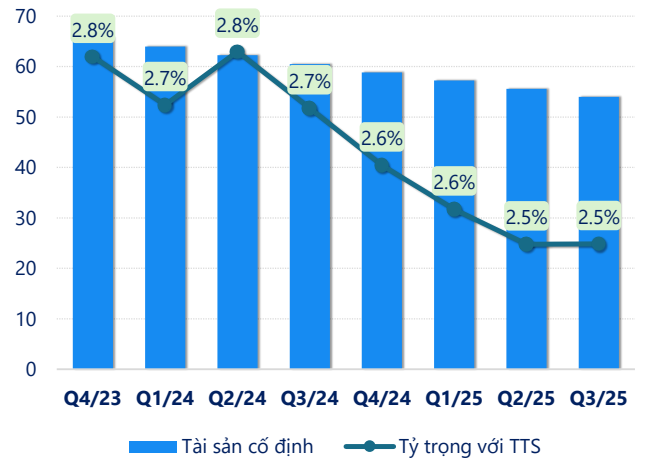
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



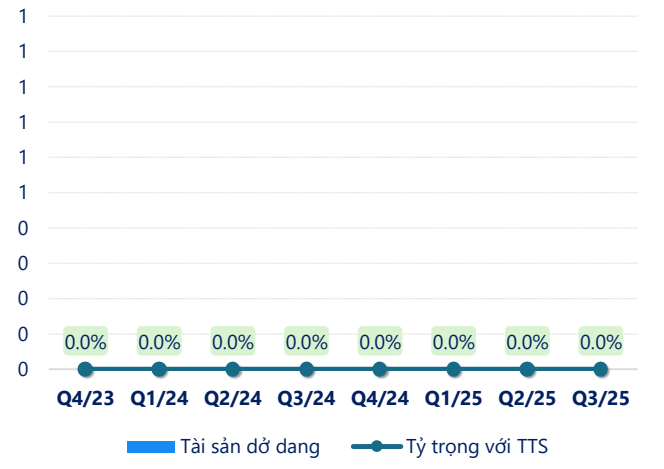
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



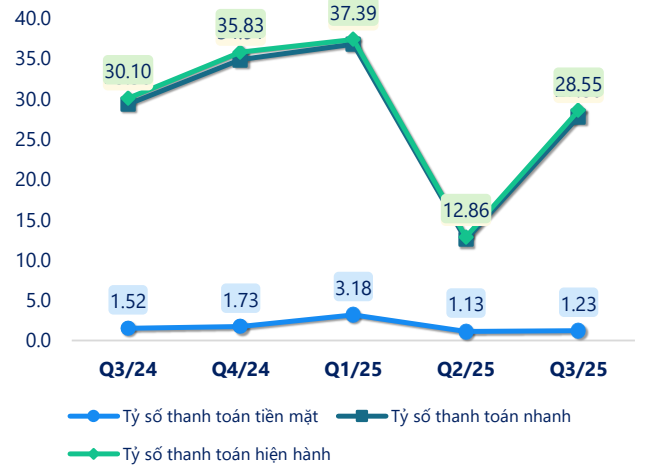
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



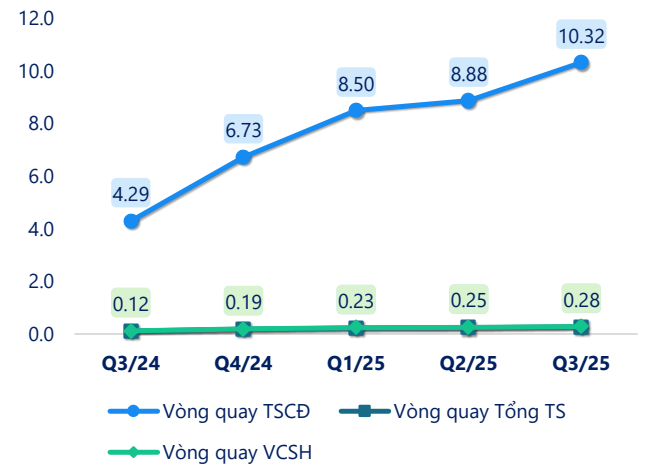
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,205**	**2,223**	**2,225**	**2,213**	**2,149**
Tài sản ngắn hạn	**1,706**	**1,722**	**1,726**	**1,713**	**1,651**
Tiền và tương đương tiền	86.4	83.1	147	150	70.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	104	104	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,414	1,436	1,499	1,468	1,488
Hàng tồn kho	42.0	44.3	26.7	44.5	43.4
Tài sản ngắn hạn khác	60.3	55.7	53.9	50.5	48.1
Tài sản dài hạn	**499**	**500**	**499**	**500**	**498**
Phải thu dài hạn	8.00	11.1	11.1	14.2	14.2
Tài sản cố định	60.5	58.8	57.2	55.6	54.0
Bất động sản đầu tư	4.07	4.02	3.98	3.93	3.88
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	426	426	426	426	426
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**65.1**	**56.5**	**53.5**	**141**	**65.3**
Nợ ngắn hạn	**56.7**	**48.1**	**46.2**	**133**	**57.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.51	0	1.10	80.5	0.54
Phải trả người bán ngắn hạn	8.25	3.31	0.45	7.17	11.1
Nợ dài hạn	8.47	8.41	7.29	7.48	7.44
Vay và nợ thuê dài hạn	6.46	6.46	5.34	5.53	5.53
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,140**	**2,166**	**2,171**	**2,073**	**2,084**
Vốn chủ sở hữu	**2,140**	**2,166**	**2,171**	**2,073**	**2,084**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	1,218	1,218	1,218
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)